

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: **HÁN NÔM**

MÃ SỐ: **7220104**

*(Ban hành theo Quyết định số: 4433/QĐ-XHNV, ngày 27 tháng 11 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Hán Nôm
 - + Tiếng Anh: Sino - Nom
- **Mã số ngành đào tạo:** 7220104
- **Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân
- **Thời gian đào tạo:** 4 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Hán Nôm
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Sino - Nom
- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Hán Nôm nhằm đào tạo cử nhân Hán Nôm có phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn vững vàng, đảm nhận các công tác: sưu tầm, bảo quản, phiên dịch, nghiên cứu, khai thác, giảng dạy di sản văn hiến Hán Nôm, góp phần đảm bảo sự liên tục về văn hóa giữa truyền thống và hiện đại;

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình này được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc tiếp cận và xử lý văn bản Hán Nôm cả về mặt văn bản học cũng

nghĩa giải và khai thác di sản văn hiến Hán Nôm, phục vụ công cuộc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong điều kiện hội nhập và giao lưu quốc tế.

3. Thông tin tuyển sinh

Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Hán Nôm có kiến thức thực tế Hán Nôm vững chắc, kiến thức lý thuyết Hán Nôm sâu rộng; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật; có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của công việc, nhất là các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực của nhân văn số thức; có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động Hán Nôm cụ thể; có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành một hoạt động chuyên môn Hán Nôm cụ thể. Kiến thức cụ thể và năng lực chuyên môn như sau:

1.1. Kiến thức liên ngành về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học công nghệ

- Xác định được những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xác định được kiến thức chung về cơ sở về kinh tế, xã hội, nhà nước và pháp luật;
- Vận dụng được những kiến thức của khoa học tự nhiên trong xử lý các dữ kiện của khoa học xã hội;
- Vận dụng được kiến thức liên ngành về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học công nghệ vào học tập và nghiên cứu Hán Nôm.

1.2. Kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong khoa học xã hội;
- Vận dụng được kiến thức cơ bản của một số ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành Hán Nôm (cơ sở văn hoá Việt Nam, xã hội học đại cương, lịch sử văn

minh thế giới,...), bước đầu có khả năng vận dụng tri thức và phương pháp liên ngành trong tiếp cận và nghiên cứu Hán Nôm.

1.3. Kiến thức ngữ văn cơ bản

- Giải thích được các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học; văn học Việt Nam trung đại, vận dụng được những kiến thức đó vào giải quyết những lĩnh vực cụ thể của chuyên môn Hán Nôm;

- Tổng hợp được các tri thức đại cương về chữ Hán và chữ Nôm; Vận dụng được các tri thức đó vào hoạt động Hán Nôm cụ thể.

1.4. Kiến thức Hán Nôm

- Có kiến thức cơ bản nhất về Hán Nôm, về ngành Hán Nôm thông qua các yếu tố cấu thành của chuyên môn Hán Nôm như Hán văn Trung Quốc, văn bản Hán văn Việt Nam, chữ Nôm và văn bản Nôm...

1.4.1. Kiến thức về Hán văn Trung Quốc

- Giải thích được một số trích tuyển Hán văn Trung Quốc tiêu biểu theo lịch đại và trường phái;

- Phân tích được các vấn đề về văn bản, từ ngữ, văn pháp, nội dung chủ yếu của Tứ thư (*Luận ngữ, Đại học, Trung dung, Mạnh Tử*), Ngũ kinh (*Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu - Tả truyện*) thông qua những trích đoạn tiêu biểu.

1.4.2. Kiến thức về Hán văn Việt Nam và văn bản Hán văn Việt Nam

- Tổng hợp được diễn trình, chức năng, sự phân kỳ, đặc điểm cơ bản cũng như các tác giả chủ yếu của Hán văn Việt Nam;

- Phân tích được những điểm cơ bản nhất của một số văn bản Hán văn Việt Nam tiêu biểu cho từng thời kỳ và phong cách: Hán văn Việt Nam thế kỷ X – XIV, Hán văn Việt Nam thế kỷ XV – XVIII, Hán văn Việt Nam thế kỷ XIX - XX.

1.4.3. Kiến thức về chữ Nôm và văn bản Nôm

- Tổng hợp được kiến thức cơ bản về chữ Nôm và văn bản Nôm trên các phương diện: nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến...; Phân tích được một số văn bản Nôm qua các thời kỳ.

1.4.4. Kiến thức lý thuyết chuyên môn

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về: di sản Hán Nôm, văn bản học Hán Nôm, văn tự học Hán Nôm, ngữ pháp văn ngôn,....;

- Phân tích được văn bản Hán văn, văn bản chữ Nôm.

1.5. Kiến thức văn hoá truyền thống

- Khái quát được những nội dung cơ bản về văn hoá Việt Nam và tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống;

- Tổng hợp được kiến thức cơ bản về Tam giáo (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo) trên các phương diện: lịch sử, tư tưởng cơ bản, nhân vật chủ yếu, thư tịch tiêu biểu...

2. Kỹ năng

2.1 Kỹ năng chuyên môn

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Vận dụng được các thao tác, kỹ năng làm việc độc lập, hiệu quả trong việc khai thác, xử lý các loại hình văn bản và di sản Hán Nôm;

- Vận dụng được các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu Hán Nôm để giải quyết các công việc liên ngành như lịch sử, xã hội, văn hóa, văn học...

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Có khả năng phát hiện và khái quát hoá vấn đề từ thực tiễn; có tư duy phản biện, phê phán;

- Biết cách tìm kiếm, tra cứu tài liệu chuyên môn bằng các công cụ tìm kiếm trên internet cũng như trong thư viện.... ;

- Biết sử dụng các công cụ cho việc tra cứu: sách công cụ, dữ liệu Hán Nôm được số hóa, máy tính, internet...;

- Có khả năng mô tả văn bản; chấm câu, phiên âm, dịch nghĩa, chú giải, giới thiệu và phân tích được các văn bản Hán Nôm thông thường;

- Có các kỹ năng cơ bản về giám định văn bản Hán Nôm.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Bước đầu có khả năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu Hán Nôm và phương pháp liên ngành trong nghiên cứu Hán Nôm;

- Bước đầu có khả năng khai thác văn bản Hán Nôm.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Bước đầu có khả năng đánh giá và khai thác các giá trị nhiều mặt của di sản Hán Nôm Việt Nam trên cơ sở vận dụng những kiến thức bên trong Hán Nôm (Hán Nôm nội tại) cũng như những kiến thức bên ngoài Hán Nôm (Hán Nôm ngoại tại) về các phương diện lịch sử, xã hội, văn hóa trong các mối liên hệ theo tư duy và cách nhìn hệ thống nhằm khai thác các giá trị văn hóa truyền thống đang được lưu giữ trong di sản Hán Nôm, phục vụ các yêu cầu của cuộc sống Việt Nam, góp phần đảm bảo sự liên tục về văn hóa dân tộc giữa truyền thống và hiện đại theo những lý thuyết nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành hiện đại.

2.1.5. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Biết cách sưu tầm, xử lý văn bản Hán Nôm trên thực tế: đăng ký, lập danh mục, lên sơ đồ, ghi chép tóm lược nội dung và thông tin cơ bản từ văn bản, sao chụp, in rập thác bản, bảo quản văn bản...;

- Phân tích được đặc điểm cơ bản của các loại hình văn bản Hán Nôm thông dụng và các phương pháp khảo sát văn bản Hán Nôm trên thực tế;

- Có khả năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức chuyên môn đến cộng đồng.

2.1.6. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Chủ động tìm tòi, sáng tạo trong tiếp cận, giải mã, khai thác và phát hiện các giá trị nhiều mặt của di sản Hán Nôm về phương diện thông tin tính của văn bản, văn bản học và những vấn đề được văn bản hóa;

- Trang bị kiến thức của các ngành gần, liên ngành và ngoại ngữ cũng như năng lực tư duy hệ thống, biết vận dụng những tri thức Hán Nôm đã có cho sự thay đổi trong nghề nghiệp, chuyển đổi ngành học và học thêm các chuyên ngành kế cận để có thêm văn bằng tương ứng, đáp ứng với yêu cầu tìm việc theo yêu cầu của xã hội một cách rộng rãi hơn ở các lĩnh vực như: công tác quản lý và bảo vệ văn hóa, công tác bảo tồn bảo tàng và lưu trữ, công tác truyền thông báo chí, biên dịch, tổ chức các sự kiện văn hóa và du lịch liên quan đến văn hóa truyền thống, công tác giáo dục ngữ văn và lịch sử ở các cấp học...

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Có khả năng tổ chức và quản lý thời gian thực hiện công việc;
- Có khả năng dân vận trong công tác thực tập, thực tế liên quan đến chuyên môn Hán Nôm.

2.2.2. *Kỹ năng làm việc theo nhóm*

- Biết và chủ động tham gia các nhóm trong các hoạt động: học tập, nghiên cứu, điền dã và các hoạt động đoàn thể, xã hội;
- Có khả năng thành lập các nhóm nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động chuyên môn, hoạt động xã hội và văn hóa;
- Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác.

2.2.3. *Kỹ năng giao tiếp*

- Có năng lực tư duy cũng như năng lực diễn đạt chính xác, trong sáng những vấn đề được tư duy, trình bày mạch lạc các vấn đề chuyên môn, sử dụng được các công cụ hỗ trợ khi trình bày;
- Viết đúng chính tả, ngữ pháp, mạch lạc;
- Xây dựng được mối quan hệ bàn bè, đồng nghiệp, xã hội.

2.2.4. *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ cơ bản (Tiếng Trung Quốc) với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tối thiểu tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.2.5. *Các kỹ năng bổ trợ khác*

- Đạt trình độ tin học IC3 (*Internet and Computing Core Certification*), ICDL (*International Computer Driving Licence*), MOS (*Microsoft Office Specialist*) hoặc tương đương và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn Hán Nôm.

3. Phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Là công dân tốt, hiểu biết và tuân thủ hiến pháp, pháp luật, các quy định, quy chế hữu quan;
- Nhận thức và ứng xử theo các chuẩn mực đạo đức xã hội.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trân trọng các giá trị văn hoá truyền thống;
- Trung thực trong khoa học; độc lập, tự tin, sáng tạo, cẩn trọng trong công việc.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Ý thức được trách nhiệm của chuyên môn Hán Nôm trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống;
- Có trách nhiệm và bảo đảm uy tín trong công việc chuyên môn.

4. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học ngành Hán Nôm có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm;
- Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự định hướng công việc và bảo vệ quan điểm cá nhân trong các vấn đề chuyên môn;
- Sinh viên tốt nghiệp có khả năng lập kế hoạch, điều phối, triển khai, đánh giá và cải thiện công việc liên quan đến chuyên môn.

5. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học ngành Hán Nôm có thể đảm nhận các công tác như: sưu tầm, bảo quản, phiên dịch, nghiên cứu, khai thác, giảng dạy Hán Nôm tại các viện nghiên cứu; các trường đại học, cao đẳng; các cơ quan văn hoá, lưu trữ, thông tin... ; các cơ quan nhà nước; các tổ chức và đoàn thể xã hội có nhu cầu.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học, tùy theo năng lực và nhu cầu có thể học tiếp lên những bậc cao hơn (Thạc sĩ Hán Nôm và Tiến sĩ Hán Nôm) ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	140 tín chỉ
Khối kiến thức chung (<i>chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>):	16 tín chỉ
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	29 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i>	<i>23 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức theo khối ngành:	27 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i>	<i>18 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i>	<i>9/39 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	15 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i>	<i>9 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn theo định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>	<i>6/12 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn theo định hướng kiến thức liên ngành</i>	<i>6/15 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức ngành:	53 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i>	<i>34 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i>	<i>9/18 tín chỉ</i>
+ <i>Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:</i>	<i>10 tín chỉ</i>

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (không bao gồm học phần 7 và 8)	16				
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	3	30	15		
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	20	10		PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
6	FLF1407	Tiếng Trung B1	5	20	35	20	
7		Giáo dục thể chất	4				
8		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	29				
II.1		Các học phần bắt buộc (không bao gồm học phần 17)	23				
9	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	36	9		
10	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1006
11	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
12	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	42	3		
13	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	39	6		
14	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	30	15		
15	PHI1054	Lôgic học đại cương	3	33	12		
16	INT1005	Tin học ứng dụng	3	15	30		
17		Kĩ năng bổ trợ	3				
II.2		Các học phần tự chọn	6/18				
18	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	10		
19	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	26	4		
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	20	10		
21	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	20	10		
22	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin	2	20	10		
23	LIT1053	Viết học thuật	2	20	10		
24	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	20	10		
25	ITS1051	Hội nhập quốc tế và phát triển	2	20	10		
26	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	20	10		
III		Khối kiến thức theo khối ngành	27				
III.1		Các học phần bắt buộc	18				
27		Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	4	16	40	4	
	FLH1156	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	4	16	40	4	
28		Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	5	20	35	20	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
	FLH1158	Tiếng Trung cho khoa học xã hội và nhân văn 2	5	20	35	20	FLH1156
29	MNS1054	Khởi nghiệp	3	30	15		
30	SIN1001	Hán Nôm cơ sở	3	30	15		
31	SIN1002	Độc bản Hán văn	3	30	15		SIN1001
III.2		Các học phần tự chọn	9/39				
32	LIN2033	Dẫn luận ngôn ngữ học	3	40	5		
33	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	42	3		
34	LIT1100	Nghệ thuật học đại cương	3	45			
35	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	39	6		
36	PHI1100	Mỹ học đại cương	3	36	9		
37	ANT1100	Nhân học đại cương	3	39	6		
38	LIN1102	Phong cách học tiếng Việt	3	40	5		LIN2033
39	LIT1101	Văn học Việt Nam đại cương	3	45			
40	LIT1162	Tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu văn học Việt Nam: lý thuyết và ứng dụng	3	45			
41	LIT1163	Folklore và văn hoá dân tộc	3	45			
42	ORS1101	Lịch sử phương Đông	3	36	9		
43	ORS2005	Văn hóa, văn minh phương Đông	3	36	9		
44	LIT1166	Viết sáng tạo	3	35	10		
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	15				
IV.1		Các học phần bắt buộc	9				
45	SIN3041	Văn tự học Hán Nôm	3	30	15		SIN1001
46	SIN3033	Tin học Hán Nôm	2	15	15		INT1005/ SIN1001
47	SIN3007	Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo	4	60			SIN1001
IV.2		Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):	6				
		<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>	<i>6/12</i>				
48	SIN1150	Giới thiệu và phân tích kho sách Hán Nôm	3	45			SIN1001
49	SIN1151	Giáo dục và khoa cử Việt Nam	3	45			SIN1001
50	SIN1152	Tổng quan về sử tịch Hán văn	3	30	15		SIN1001
51	SIN1153	Giới thiệu các tài liệu tra cứu Hán Nôm	3	45			SIN1001
		<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>	<i>6/15</i>				
52	LIT3062	Văn học Việt Nam thế kỷ 10 – 17	3	45			
53	LIT3064	Văn học Việt Nam thế kỷ 18 – 19	3	45			LIT3062
54	LIT3073	Điện phạm trong văn học Việt Nam	3	45			
55	LIT3081	Văn học Trung Quốc cổ đại	3	45			

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
56	HIS3078	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam	3	42	3		
V		Khối kiến thức ngành	53				
V.1		Các học phần bắt buộc	34				
57	SIN3005	Văn bản học Hán Nôm	2	30			SIN1001
58	SIN3004	Ngữ pháp văn ngôn	2	15	15		SIN1001
59	SIN3042	Tứ thư 1 (<i>Luận ngữ - Mạnh Tử</i>)	4	30	30		SIN1001
60	SIN3043	Tứ thư 2 (<i>Đại học – Trung dung</i>)	3	15	30		SIN1001
61	SIN3044	Ngũ kinh 1 (<i>Thi - Thư</i>)	4	30	30		SIN1001
62	SIN3045	Ngũ kinh 2 (<i>Lễ - Dịch</i>)	4	30	30		SIN1001
63	SIN3046	Ngũ kinh 3 (<i>Xuân thu – Tả truyện</i>)	2	15	15		SIN1001
64	SIN3059	Hán văn Việt Nam thế kỷ X – XIV	3	30	15		SIN1001
65	SIN3019	Hán văn Việt Nam thế kỷ XV – XVIII	3	30	15		SIN1001
66	SIN3060	Hán văn Việt Nam thế kỷ XIX – XX	3	30	15		SIN1001
67	SIN3061	Văn bản chữ Nôm	4	45	15		SIN1001
V.2		Các học phần tự chọn	9/18				
68	SIN3006	Từ chương học Hán Nôm	3	30	15		SIN3004
69	SIN3049	Đường thi – Cổ văn	3	30	15		SIN1001
70	SIN3050	Tân văn triết học Tống – Minh	3	30	15		SIN1001
71	SIN3051	Thực hành văn bản Hán Nôm	3	15	30		SIN3061
72	SIN3052	Chư tử	3	30	15		SIN1001
73	SIN3058	Tinh tuyển Hán văn Phật giáo	3	30	15		SIN1001
V.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	10				
74	SIN4055	Thực tập	3	9	27	9	SIN3042
75	SIN3023	Niên luận	2	10	10	10	SIN3004
76	SIN4052	Khoá luận tốt nghiệp	5				
		<i>Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>					
77	SIN4053	Phân tích văn bản Hán văn	3	30	15		
78	SIN4054	Phân tích văn bản chữ Nôm	2	15	15		SIN3061
Tổng cộng			140				

Ghi chú: Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

